

Học Kỳ II - Năm Học 2025-2026 | Lần Thi: Tổng kết Môn

THÔNG TIN SINH VIÊN				LỚP MÔN HỌC	QUÁ TRÌNH HỌC TẬP				ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
STT	Mã Sinh viên	Họ lót	Tên		A	L	M	F	SỐ	CHỮ	
				10%	15%	20%	55%				
1	27207101729	Trần Việt	Anh	ECO 303 B	6	7.5	6	3.6	4.9	Bốn phần chín	
2	28218200298	Huỳnh Việt	Anh	ECO 303 B	10	5	6	5.5	6.0	Sáu	
3	29208053527	Nguyễn Thị Nguyệt	Anh	ECO 303 B	10	8.6	6.1	8.5	8.2	Tám phần hai	
4	29208062958	Nguyễn Thị Kim	Anh	ECO 303 B	10	9.1	7.1	7.2	7.7	Bảy phần bảy	
5	29208131848	Hoàng Thị Vân	Anh	ECO 303 B	9	9	7	5.5	6.7	Sáu phần bảy	
6	30208043311	Trần Thị Phương	Anh	ECO 303 B	10	8.5	7.1	1.8	4.7	Bốn phần bảy	
7	29214562875	Trần Quốc	Bào	ECO 303 B	9	9.3	6	8.8	8.3	Tám phần ba	
8	30218162489	Trần Nguyễn Duy	Bào	ECO 303 B	10	8.5	6.8	4.3	6.0	Sáu	
9	29218047641	Lê Công Tuấn	Bình	ECO 303 B	8	7.6	5.7	1.8	4.1	Bốn phần một	
10	29208157301	Lê Thị Bảo	Châu	ECO 303 B	10	9.1	8.1	7.8	8.3	Tám phần ba	
11	30206222244	Phạm Hoàng Bảo	Châu	ECO 303 B	3	3.5	0	0	0.0	Không	Nợ HP
12	29208063697	Nguyễn Thị Thu	Cúc	ECO 303 B	10	7.5	8	3.7	5.8	Năm phần tám	
13	29218058448	Nguyễn Tiến	Đạt	ECO 303 B	5	7.3	7	5.9	6.2	Sáu phần hai	
14	30218058201	Huỳnh Tiến	Đạt	ECO 303 B	10	9.2	7.3	9.2	8.9	Tám phần chín	
15	29208050088	Nguyễn Thị Hoài	Diễm	ECO 303 B	10	8.8	7.2	7.8	8.1	Tám phần một	
16	28218048836	Trần Trung	Đô	ECO 303 B	6	8.9	0	0	0.0	Không	Vắng
17	29218063723	Nguyễn Văn	Độ	ECO 303 B	9	8.9	9.1	7.6	8.2	Tám phần hai	
18	28218151531	Phan Hoàng	Đức	ECO 303 B	10	9.1	7.1	8.2	8.3	Tám phần ba	
19	29218157302	Nguyễn Phạm Phương	Duy	ECO 303 B	7	8.8	7.8	3.9	5.7	Năm phần bảy	
20	30208226470	Lê Ngô Thị Mỹ	Duyên	ECO 303 B	10	9.2	9.3	8	8.6	Tám phần sáu	
21	29208058050	H Lis	Êban	ECO 303 B	10	7	5.3	9.1	8.1	Tám phần một	
22	30208049342	Lý Thị Thùy	Giang	ECO 303 B	10	9.2	8.8	7.2	8.1	Tám phần một	
23	30208050697	Nguyễn Nhật	Hân	ECO 303 B	9	8.7	8.5	2.5	5.3	Năm phần ba	
24	30208122542	Lý Thị Bích	Hạnh	ECO 303 B	10	9.1	7.8	5.2	6.8	Sáu phần tám	
25	28206124819	Nguyễn Liên	Hoa	ECO 303 B	10	9.1	7.4	5.3	6.8	Sáu phần tám	
26	30218126378	Nguyễn Mạnh	Hùng	ECO 303 B	10	9.2	9.4	7.3	8.3	Tám phần ba	
27	29218165196	Phạm Quang	Huy	ECO 303 B	10	8	9.6	9	9.1	Chín phần một	
28	30206655169	Trần Thị Thu	Huyền	ECO 303 B	10	9.1	7.7	8	8.3	Tám phần ba	
29	30208058222	Dương Khánh	Huyền	ECO 303 B	10	9.2	7.1	9.2	8.9	Tám phần chín	
30	30208058223	Nguyễn Thị Mỹ	Huyền	ECO 303 B	10	4.5	6.2	7.4	7.0	Bảy	
31	29208162326	Lê Ngô Nguyên	Kha	ECO 303 B	9	7.7	7.5	7.7	7.8	Bảy phần tám	
32	30218047291	Dương Quốc	Khải	ECO 303 B	10	9	6	3.5	5.5	Năm phần năm	
33	29218055971	Nguyễn Nam	Khang	ECO 303 B	9	7.7	7.1	8.1	7.9	Bảy phần chín	
34	29208038237	Huỳnh Thị Kim	Khánh	ECO 303 B	9	10	7.6	8.1	8.4	Tám phần bốn	
35	30218064866	Đoàn Duy	Khánh	ECO 303 B	6	4	5.2	3.3	4.1	Bốn phần một	
36	28218100315	Nguyễn Hoàng Đăng	Khoa	ECO 303 B	0	0	0	0	0.0	Không	Vắng
37	29208128570	Lê Dạ Thiên	Lam	ECO 303 B	10	8.8	6	1.5	4.3	Bốn phần ba	
38	30208158031	Lê Thanh	Lan	ECO 303 B	10	8.5	8.6	6.6	7.6	Bảy phần sáu	
39	30208053606	Nguyễn Đan	Lê	ECO 303 B	9	4.5	6	6.3	6.2	Sáu phần hai	
40	30208063981	Trương Thị	Lệ	ECO 303 B	10	9.1	7.7	9.2	9.0	Chín	

THÔNG TIN SINH VIÊN				LỚP MÔN HỌC	QUÁ TRÌNH HỌC TẬP				ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
STT	Mã Sinh viên	Họ lót	Tên		A	L	M	F	SỐ	CHỮ	
41	28205136254	Nguyễn Hà Khánh	Linh	ECO 303 B	10	5	6.5	8.6	7.8	Bảy phẩy tám	
42	28206252223	Bùi Thị Mỹ	Linh	ECO 303 B	10	8.8	7.5	9.8	9.2	Chín phẩy hai	
43	30208136494	Kiều Lê Khánh	Linh	ECO 303 B	10	9.2	6.3	9.2	8.7	Tám phẩy bảy	
44	30218038364	Lê Mạnh	Linh	ECO 303 B	8	9	8.5	9.1	8.9	Tám phẩy chín	
45	29208127564	Nguyễn Thị Hồng	Loan	ECO 303 B	10	7.8	8.4	8.2	8.4	Tám phẩy bốn	
46	29208038087	Nguyễn Thị Mỹ	Long	ECO 303 B	10	9.2	7.3	5.6	6.9	Sáu phẩy chín	
47	29218025241	Lưu Nguyễn Hoàng	Long	ECO 303 B	6	7.4	7	2.9	4.7	Bốn phẩy bảy	
48	30218027365	Nguyễn Văn	Long	ECO 303 B	9	9.1	7.3	8.5	8.4	Tám phẩy bốn	
49	29212364666	Nguyễn Tắc	Luật	ECO 303 B	8	6.3	7.4	2.8	4.8	Bốn phẩy tám	
50	30218032999	Hồ Văn	Lực	ECO 303 B	7	8.9	7.8	9.7	8.9	Tám phẩy chín	
51	28208001507	Nguyễn Thị Cẩm	Ly	ECO 303 B	9	9.2	7.5	7.4	7.9	Bảy phẩy chín	
52	29208042217	Nguyễn Thị Trà	My	ECO 303 B	10	7.8	7	8.4	8.2	Tám phẩy hai	
53	29208122631	Lê Thị Hà	My	ECO 303 B	10	8.9	7.8	9.8	9.3	Chín phẩy ba	
54	29208156599	Nguyễn Thị Thảo	My	ECO 303 B	9	7.7	8.7	9.3	8.9	Tám phẩy chín	
55	30208058253	Nguyễn Thị Hà	My	ECO 303 B	9	8.7	8.6	8.2	8.4	Tám phẩy bốn	
56	30208022236	Lê Nguyễn Ni	Na	ECO 303 B	10	9.2	6.2	8.6	8.4	Tám phẩy bốn	
57	28208004562	Nguyễn Thị Tuyết	Ngân	ECO 303 B	8	8.6	7.7	7.4	7.7	Bảy phẩy bảy	
58	28208023022	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	ECO 303 B	10	5	5.2	2.9	4.4	Bốn phẩy bốn	
59	29208163087	Nguyễn Thảo	Ngân	ECO 303 B	8	8.9	6.7	3.4	5.3	Năm phẩy ba	
60	29209436459	Trương Thị Thủy	Ngân	ECO 303 B	10	9.1	6.8	8.8	8.6	Tám phẩy sáu	
61	30204639174	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	ECO 303 B	8	7.6	5.1	2.3	4.2	Bốn phẩy hai	
62	29208154532	Mai Thị	Ngọc	ECO 303 B	8	8.9	7.8	1.9	4.7	Bốn phẩy bảy	
63	29208163089	Dương Thái Thảo	Ngọc	ECO 303 B	8	9.3	8.3	8.9	8.8	Tám phẩy tám	
64	30206546486	Nguyễn Lê Như	Ngọc	ECO 303 B	0	8.7	0	0	0.0	Không	Vắng
65	29208055437	Nguyễn Hoàng Thảo	Nguyên	ECO 303 B	9	9.1	6.4	9.8	8.9	Tám phẩy chín	
66	28204627009	Trần Phan Thục	Nhi	ECO 303 B	9	10	8.5	4.3	6.5	Sáu phẩy năm	
67	28208036974	Võ Thị Tuyết	Nhi	ECO 303 B	6	7.3	4	1.6	0.0	Không	
68	28208038725	Hồ Tuyết	Nhi	ECO 303 B	9	9.3	7.1	5.3	6.6	Sáu phẩy sáu	
69	28208154886	Lê Trương Thục	Nhi	ECO 303 B	7	0	7.6	1	0.0	Không	
70	29205145527	Đỗ Thị Quỳnh	Nhi	ECO 303 B	8	7.5	5	7.7	7.2	Bảy phẩy hai	
71	29206858157	Vũ Yến	Nhi	ECO 303 B	10	8.8	6.6	9.3	8.8	Tám phẩy tám	
72	30208047496	Phạm Thị Quỳnh	Như	ECO 303 B	8	4	4	4.8	4.8	Bốn phẩy tám	
73	30218040237	Lương Thế	Phúc	ECO 303 B	10	9.1	7.7	9.2	9.0	Chín	
74	29218255492	Nguyễn Đăng	Quang	ECO 303 B	8	8.7	7.5	8.4	8.2	Tám phẩy hai	
75	27207231125	Nguyễn Minh	Quyên	ECO 303 B	0	0	0	0	0.0	Không	Vắng
76	29208041929	Phùng Thị Thúy	Quyên	ECO 303 B	10	7.5	5	7.8	7.4	Bảy phẩy bốn	
77	29218238934	Mai Xuân	Sang	ECO 303 B	10	8.4	6.5	8.6	8.3	Tám phẩy ba	
78	30219347546	Phạm Trần Anh	Thái	ECO 303 B	9	4.5	7.8	6.4	6.7	Sáu phẩy bảy	
79	29204633492	Trần Thị Thùy	Thanh	ECO 303 B	10	8.9	8.5	9.1	9.0	Chín	
80	30218163733	Huỳnh Tấn	Thành	ECO 303 B	9	8.4	7	3.2	5.3	Năm phẩy ba	
81	28206536934	Phạm Thị Thu	Thào	ECO 303 B	8	7.6	6.5	4	5.4	Năm phẩy bốn	
82	29205126998	Bùi Thị Thanh	Thào	ECO 303 B	10	9.1	8	6.2	7.4	Bảy phẩy bốn	
83	29208163241	Lưu Thanh	Thào	ECO 303 B	10	7.8	7.8	8.1	8.2	Tám phẩy hai	
84	30218123527	Nguyễn Văn	Thịnh	ECO 303 B	9	9	5.8	6.9	7.2	Bảy phẩy hai	

THÔNG TIN SINH VIÊN				LỚP MÔN HỌC	QUÁ TRÌNH HỌC TẬP				ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
STT	Mã Sinh viên	Họ lót	Tên		A	L	M	F	SỐ	CHỮ	
85	28208002104	Lê Uyên	Thư	ECO 303 B	9	9.3	8.8	6.5	7.6	Bảy phẩy sáu	
86	29208100126	Trần Anh	Thư	ECO 303 B	8	8.9	8.7	7	7.7	Bảy phẩy bảy	
87	29208041941	Bùi Thị Thu	Thúy	ECO 303 B	10	10	4	7.7	7.5	Bảy phẩy năm	
88	30206655315	Nguyễn Thanh	Thúy	ECO 303 B	8	8.3	9.1	6.1	7.2	Bảy phẩy hai	
89	30208064677	Nguyễn Hoàng Bảo	Trâm	ECO 303 B	4	0	0	1	0.0	Không	
90	30208162680	Nguyễn Thị Thùy	Trâm	ECO 303 B	10	8.5	8.5	7.7	8.2	Tám phẩy hai	
91	30208164373	Nguyễn Bảo	Trân	ECO 303 B	8	4	5	6	5.7	Năm phẩy bảy	
92	28206249300	Hoàng Thị Quỳnh	Trang	ECO 303 B	8	8.7	5.7	5.2	6.1	Sáu phẩy một	
93	29208054878	Phan Thị Thu	Trang	ECO 303 B	10	9.2	9.1	5.1	7.0	Bảy	
94	29208056173	Hà Thu	Trang	ECO 303 B	9	9.1	8.2	6.4	7.4	Bảy phẩy bốn	
95	29208127149	Trần Thị Thục	Trinh	ECO 303 B	9	9	9.2	4	6.3	Sáu phẩy ba	
96	29206658826	Phan Thảo	Trúc	ECO 303 B	10	8.9	7.8	8.5	8.6	Tám phẩy sáu	
97	29208132011	Đỗ Thị Mai	Trúc	ECO 303 B	9	9	8.7	3.3	5.8	Năm phẩy tám	
98	28218205991	Nguyễn Phan Thanh	Uyên	ECO 303 B	6	4.5	5.7	6.5	6.0	Sáu	
99	29208052028	Bùi Ngọc Thảo	Vân	ECO 303 B	10	10	5	8.1	8.0	Tám	
100	30208064182	Lê Võ Tường	Vi	ECO 303 B	10	4.5	5	5.2	5.5	Năm phẩy năm	
101	29209421372	Hồ Như Trúc	Viên	ECO 303 B	10	8	9.1	7.5	8.1	Tám phẩy một	
102	29218154550	Nguyễn Văn Trung	Việt	ECO 303 B	9	8.9	6.8	6.9	7.4	Bảy phẩy bốn	
103	27217100065	Nguyễn Quang	Vũ	ECO 303 B	7	5.1	8.6	3.6	5.2	Năm phẩy hai	
104	30206143159	Đình Xuân Tường	Vỹ	ECO 303 B	10	8.1	5.3	7	7.1	Bảy phẩy một	
105	30208162724	Nguyễn Thị Kim	Xuân	ECO 303 B	10	8.5	9.2	8.2	8.6	Tám phẩy sáu	
106	28208046265	Phù Hoàng	Yến	ECO 303 B	9	9.3	8.5	8.8	8.8	Tám phẩy tám	
107	29208138083	Bùi Thị Hải	Yến	ECO 303 B	10	7.6	5.8	8.9	8.2	Tám phẩy hai	
108	30208058386	Dương Thị Phi	Yến	ECO 303 B	7	7.2	8.2	3.8	5.5	Năm phẩy năm	
109	28218101523	Nguyễn Văn	An	ECO 303 D	10	8.8	7.9	8.6	8.6	Tám phẩy sáu	
110	29208151795	Nguyễn Thùy	An	ECO 303 D	8	9.7	7.1	3.8	5.8	Năm phẩy tám	
111	28208036716	Trương Minh	Anh	ECO 303 D	9	7	7.6	2.9	5.1	Năm phẩy một	
112	28218101769	Nguyễn Tuấn	Anh	ECO 303 D	10	8.8	7.6	5.1	6.6	Sáu phẩy sáu	
113	29206662234	Phạm Lan	Anh	ECO 303 D	10	9.5	7.6	9.5	9.2	Chín phẩy hai	
114	29208160229	Dương Ngọc Hoàng	Anh	ECO 303 D	10	7.3	7.3	7.4	7.6	Bảy phẩy sáu	
115	29218044433	Trần Phước Hoàng	Anh	ECO 303 D	10	7.3	7.8	8.2	8.2	Tám phẩy hai	
116	29218123289	Ngô Văn Quốc	Anh	ECO 303 D	10	9.5	9	8.6	9.0	Chín	
117	30208157963	Nguyễn Thị Hồng	Ánh	ECO 303 D	10	9.7	7.7	9.4	9.2	Chín phẩy hai	
118	29212351016	Dương Công	Bảo	ECO 303 D	9	5.5	6.2	2.1	4.1	Bốn phẩy một	
119	29218124386	Dương Văn	Bảo	ECO 303 D	10	9.4	7.7	9.2	9.0	Chín	
120	28218426714	Đỗ Lê	Danh	ECO 303 D	6	4	7.6	4.9	5.4	Năm phẩy bốn	
121	30204956138	Lê Thị Kiều	Diễm	ECO 303 D	10	8.3	8	1.6	4.7	Bốn phẩy bảy	
122	29208055436	Phùng Thị Ngọc	Diệp	ECO 303 D	6	6.5	7.4	2.2	4.3	Bốn phẩy ba	
123	29218065617	Lê Ngọc Hoài	Đức	ECO 303 D	6	6.8	5	7.2	6.6	Sáu phẩy sáu	
124	30208045835	Huỳnh Ngọc Thùy	Dương	ECO 303 D	8	8.1	8	4.4	6.0	Sáu	
125	28209447522	Hoàng Thị Kỳ	Duyên	ECO 303 D	10	5	6	4.7	5.5	Năm phẩy năm	
126	27217227369	Nguyễn Hữu Nam	Giang	ECO 303 D	9	5	5	2.4	4.0	Bốn	
127	30208162511	Trần Thị Hà	Giang	ECO 303 D	10	5.7	8	5.9	6.7	Sáu phẩy bảy	
128	30208053462	Nguyễn Thị Thu	Hà	ECO 303 D	7	8	7.3	4	5.6	Năm phẩy sáu	

THÔNG TIN SINH VIÊN				LỚP MÔN HỌC	QUÁ TRÌNH HỌC TẬP				ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	L	M	F			
STT	Mã Sinh viên	Họ lót	Tên		10%	15%	20%	55%	SỐ	CHỮ	
129	30208153896	Văn Thị Bảo	Hân	ECO 303 D	10	5.6	7.9	4.8	6.1	Sáu phẩy một	
130	29208051245	Nguyễn Thị Thu	Hằng	ECO 303 D	9	6.7	8.3	6.5	7.1	Bảy phẩy một	
131	28208004427	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	ECO 303 D	9	7.1	9	6.8	7.5	Bảy phẩy năm	
132	29208428873	Nguyễn Thị Thu	Hiền	ECO 303 D	10	6.8	8	7.7	7.9	Bảy phẩy chín	
133	28218006146	Phạm Minh	Hiếu	ECO 303 D	0	0	0	0	0.0	Không	Vắng
134	28218206669	Phùng Thị	Hoà	ECO 303 D	9	5	7.5	8.5	7.8	Bảy phẩy tám	
135	29204520892	Đình Thị Kim	Hoà	ECO 303 D	10	9.7	9.1	9.7	9.6	Chín phẩy sáu	
136	28218033451	Phan Văn	Huy	ECO 303 D	10	7	8.6	3.7	5.8	Năm phẩy tám	
137	28218050860	Nguyễn Quang	Huy	ECO 303 D	7	9	5.2	7.8	7.4	Bảy phẩy bốn	
138	29218226266	Lê Hữu Quốc	Huy	ECO 303 D	8	0	8	3	4.1	Bốn phẩy một	
139	29206665059	Chúc Thị	Huyền	ECO 303 D	10	9.2	7.1	8.3	8.4	Tám phẩy bốn	
140	29208000033	Phạm Thị Bích	Huyền	ECO 303 D	9	8	6.1	7.1	7.2	Bảy phẩy hai	
141	30208153598	Nguyễn Thị Thu	Huyền	ECO 303 D	8	7	8.5	4.4	6.0	Sáu	
142	30218049829	Nguyễn Tuấn	Khanh	ECO 303 D	10	7	9.1	9.1	8.9	Tám phẩy chín	
143	28218136340	Lương Văn	Khoa	ECO 303 D	8	6.8	6.3	6.9	6.9	Sáu phẩy chín	
144	30204546609	Nguyễn Thị	Kiều	ECO 303 D	10	8.3	7.2	9.1	8.7	Tám phẩy bảy	
145	28208000372	Phan Thị Khánh	Linh	ECO 303 D	9	8.5	7	7.8	7.9	Bảy phẩy chín	
146	29206661291	Lê Vũ Khánh	Linh	ECO 303 D	10	9.5	8.8	8.9	9.1	Chín phẩy một	
147	29208237773	Nguyễn Thị	Linh	ECO 303 D	10	8.8	7.1	7.7	8.0	Tám	
148	30212342130	Ngô Hoàng	Long	ECO 303 D	9	8.3	6.5	3.1	5.2	Năm phẩy hai	
149	29206646188	Lý Thị Kim	Luyến	ECO 303 D	9	9.2	6.3	5.7	6.7	Sáu phẩy bảy	
150	28208053404	Lê Thị Xuân	Mai	ECO 303 D	9	4.5	5	8.6	7.3	Bảy phẩy ba	
151	30207280201	Trương Thị Hà	My	ECO 303 D	9	7.5	6.8	5.5	6.4	Sáu phẩy bốn	
152	30208147167	Nguyễn Thị Hoàng	My	ECO 303 D	10	7.3	8.7	3.8	5.9	Năm phẩy chín	
153	29208251762	Lê Thị A	Na	ECO 303 D	10	9.5	9	8.5	8.9	Tám phẩy chín	
154	29218122001	Trần Hoài	Nam	ECO 303 D	6	7	6.2	1.8	0.0	Không	
155	28208040213	Hoàng Kim	Ngân	ECO 303 D	9	7	8.7	5.4	6.7	Sáu phẩy bảy	
156	29206659572	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	ECO 303 D	10	8.8	9.1	7.3	8.2	Tám phẩy hai	
157	28205104091	Trần Thị	Ngọc	ECO 303 D	9	5	6.3	2.7	4.4	Bốn phẩy bốn	
158	29204864480	Trần Minh	Nguyệt	ECO 303 D	10	9.8	7	8.7	8.7	Tám phẩy bảy	
159	29208221841	Lê Thị Mỹ	Nguyệt	ECO 303 D	6	9.7	8.8	5.2	6.7	Sáu phẩy bảy	
160	29208058053	Lê Thị Tuyết	Nhi	ECO 303 D	7	8.1	8.5	6.5	7.2	Bảy phẩy hai	
161	29208163345	Hà Yến	Nhi	ECO 303 D	10	7.3	6.2	9.4	8.5	Tám phẩy năm	
162	29208258273	Lê Thị Yến	Nhi	ECO 303 D	10	8.8	8.8	9.2	9.1	Chín phẩy một	
163	30204848391	Huỳnh Thị Uyên	Nhi	ECO 303 D	8	7	6.7	6	6.5	Sáu phẩy năm	
164	30208058274	Tôn Nữ Yến	Nhi	ECO 303 D	8	7.2	7.2	5.2	6.2	Sáu phẩy hai	
165	30208153653	Văn Thị Minh	Nhi	ECO 303 D	10	5.6	7.8	4.2	5.7	Năm phẩy bảy	
166	30208041398	Lê Thị Kiều	Oanh	ECO 303 D	7	7.1	4.7	0	0.0	Không	Vắng
167	30208153795	Phạm Nguyễn Kiều	Oanh	ECO 303 D	9	5.3	6	6	6.2	Sáu phẩy hai	
168	28218103299	Mang	Phạm	ECO 303 D	10	8.8	7.8	3.6	5.9	Năm phẩy chín	
169	29206623702	Trương Nhật Hà	Phương	ECO 303 D	7	8	9.2	1.2	4.4	Bốn phẩy bốn	
170	30201139192	Lê Vũ Long	Phương	ECO 303 D	7	8.9	6.6	6.6	7.0	Bảy	
171	29218063129	Từ Minh	Quân	ECO 303 D	10	7.4	7.5	5.7	6.7	Sáu phẩy bảy	
172	30218127125	Trần Đình	Quân	ECO 303 D	10	6.8	9	2.7	5.3	Năm phẩy ba	

THÔNG TIN SINH VIÊN				LỚP MÔN HỌC	QUÁ TRÌNH HỌC TẬP				ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
STT	Mã Sinh viên	Họ lót	Tên		A	L	M	F	SỐ	CHỮ	
173	30218158102	Huỳnh Hoàng	Quý	ECO 303 D	8	7.5	8.4	6.8	7.3	Bảy phẩy ba	
174	30208158104	Võ Thị Minh	Quyên	ECO 303 D	7	7.3	6.8	4	5.4	Năm phẩy bốn	
175	28218001384	Phan Nhật Hoài	Sơn	ECO 303 D	9	5	6.1	7.2	6.8	Sáu phẩy tám	
176	28218004945	Ngô Anh	Sơn	ECO 303 D	10	9.1	8.8	9.6	9.4	Chín phẩy bốn	
177	30206134973	Nguyễn Lê Hoài	Sương	ECO 303 D	10	9.8	6.8	8.7	8.6	Tám phẩy sáu	
178	28218105917	Nguyễn Phước	Tài	ECO 303 D	8	8.5	8	4.4	6.1	Sáu phẩy một	
179	29218065270	Nguyễn Đức	Thăng	ECO 303 D	8	7.3	9.4	2.3	5.0	Năm	
180	28218052839	Lưu Quảng	Thanh	ECO 303 D	9	8.5	8.8	5.7	7.1	Bảy phẩy một	
181	29208153343	Nguyễn Thị Thu	Thanh	ECO 303 D	10	5.5	8.1	3.5	5.4	Năm phẩy bốn	
182	30208046484	Phan Thanh	Thanh	ECO 303 D	10	7.9	7.6	3.6	5.7	Năm phẩy bảy	
183	30205123246	Thân Ngọc	Thào	ECO 303 D	0	0	0	0	0.0	Không	Vắng
184	29218141561	Trần Quốc	Thiên	ECO 303 D	10	6.8	5.5	8.1	7.6	Bảy phẩy sáu	
185	29218057911	Trương Tấn	Thịnh	ECO 303 D	9	7.5	5.2	3.3	4.9	Bốn phẩy chín	
186	30208154079	Nguyễn Vương Anh	Thơ	ECO 303 D	10	9.8	8.2	9.5	9.3	Chín phẩy ba	
187	25217104296	Phan Quốc	Thông	ECO 303 D	10	7.5	8.8	3.2	5.6	Năm phẩy sáu	
188	29208120334	Trần Nguyễn Anh	Thư	ECO 303 D	10	9.7	5	6.7	7.1	Bảy phẩy một	
189	30204627251	Nguyễn Hoàng Phươ	Thủy	ECO 303 D	10	7.3	9.1	5.3	6.8	Sáu phẩy tám	
190	29208153382	Lê Thị Thu	Thúy	ECO 303 D	10	9.4	9	8.5	8.9	Tám phẩy chín	
191	29208165368	Nguyễn Thị	Thúy	ECO 303 D	10	9.2	7.5	8.7	8.7	Tám phẩy bảy	
192	30206535763	Nguyễn Thị	Tiên	ECO 303 D	10	9.7	9	8.9	9.2	Chín phẩy hai	
193	30208051823	Võ Như Cẩm	Tiên	ECO 303 D	8	8.2	8.4	4.2	6.0	Sáu	
194	28218004318	Ngô Trọng	Tín	ECO 303 D	6	6.6	7.8	6.9	6.9	Sáu phẩy chín	
195	29218143815	Đỗ Tiến	Toàn	ECO 303 D	8	9.1	5.7	7.8	7.6	Bảy phẩy sáu	
196	29208038327	Lê Thị Thu	Trà	ECO 303 D	10	7.3	9	5.6	7.0	Bảy	
197	28208151937	Nguyễn Thùy	Trâm	ECO 303 D	8	9.3	8.5	7.8	8.2	Tám phẩy hai	
198	29208145757	Trần Thị Thùy	Trâm	ECO 303 D	9	9.3	7.7	8.6	8.6	Tám phẩy sáu	
199	30208151194	Lê Thị Ngọc	Trâm	ECO 303 D	10	6.7	7.3	7.7	7.7	Bảy phẩy bảy	
200	30204334694	Nguyễn Thị Huyền	Trần	ECO 303 D	8	7.1	9.3	8.5	8.4	Tám phẩy bốn	
201	29208163367	Đào Thị Huyền	Trang	ECO 303 D	10	7.3	8.8	8.6	8.6	Tám phẩy sáu	
202	29208124967	Huỳnh Thị Tuyết	Trinh	ECO 303 D	10	9.4	8.7	9	9.1	Chín phẩy một	
203	30208145926	Phan Thị Thu	Trinh	ECO 303 D	10	6.7	8.3	4.3	6.0	Sáu	
204	30208153593	Mai Phương	Trinh	ECO 303 D	8	7.5	7.4	2.4	4.7	Bốn phẩy bảy	
205	30218158154	Hà Nhật	Trường	ECO 303 D	10	6.8	7.8	7.4	7.7	Bảy phẩy bảy	
206	30208030102	Nguyễn Anh	Tú	ECO 303 D	10	6.8	7.7	3.3	5.4	Năm phẩy bốn	
207	29212321466	Mai Anh	Tuấn	ECO 303 D	10	7.5	7.8	5.8	6.9	Sáu phẩy chín	
208	30206735967	Võ Thúy	Uyên	ECO 303 D	7	8	6.8	4.1	5.5	Năm phẩy năm	
209	30208162705	Lê Hoàng	Vân	ECO 303 D	9	5.1	7.8	5.1	6.0	Sáu	
210	28208102498	Võ Hồ Diệu	Vi	ECO 303 D	10	8.8	8.2	4.8	6.6	Sáu phẩy sáu	
211	29205129020	Nguyễn Trần Nhật	Vi	ECO 303 D	10	8.6	9.4	8.5	8.8	Tám phẩy tám	
212	29208162815	Hồ Thảo	Vi	ECO 303 D	10	9.5	9.4	9.5	9.5	Chín phẩy năm	
213	30218143198	Nguyễn Anh	Việt	ECO 303 D	6	6.3	7.8	5.3	6.0	Sáu	
214	30218162709	Trịnh Khánh	Vin	ECO 303 D	10	6.8	9.2	9.5	9.1	Chín phẩy một	
215	28218033826	Võ Bá Hiến	Vinh	ECO 303 D	10	7	8	7	7.5	Bảy phẩy năm	
216	28214325485	Võ Hoàng	Vũ	ECO 303 D	10	8.8	9	9.1	9.1	Chín phẩy một	

THÔNG TIN SINH VIÊN				LỚP MÔN HỌC	QUÁ TRÌNH HỌC TẬP				ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	L	M	F			
STT	Mã Sinh viên	Họ lót	Tên		10%	15%	20%	55%	SỐ	CHỮ	
217	30208134423	Nguyễn Thị Tường	Vy	ECO 303 D	8	7.4	7.8	3	5.1	Năm phẩy một	
218	29208253718	Huỳnh Lê Nhã	Yên	ECO 303 D	10	9.8	8.1	8	8.5	Tám phẩy năm	
219	30208158179	Mai Lê Bảo	Yên	ECO 303 D	8	9.7	8.6	2.8	5.5	Năm phẩy năm	
220	28208030315	Nguyễn Thị Hải	Yến	ECO 303 D	8	6.5	6.5	8.4	7.7	Bảy phẩy bảy	
221	29218121283	Nguyễn Hoàng	Ân	ECO 303 F	10	10	8.3	6.4	7.7	Bảy phẩy bảy	
222	28212729847	Nguyễn Hồ Duy	Anh	ECO 303 F	7.5	9.5	8.1	3.3	5.6	Năm phẩy sáu	
223	28218280303	Trần Tuấn	Anh	ECO 303 F	7	9.5	7.8	6.2	7.1	Bảy phẩy một	
224	29208058431	Nguyễn Thị Vân	Anh	ECO 303 F	10	9.7	9.3	3.8	6.4	Sáu phẩy bốn	
225	29212753895	Trần Đỗ Hoàng	Anh	ECO 303 F	3	0	4.3	3.4	0.0	Không	
226	28208104075	Huỳnh Nguyễn Cẩm	Bình	ECO 303 F	6	8.5	9	3	5.3	Năm phẩy ba	
227	29210338070	Vũ Minh Hải	Đăng	ECO 303 F	7	9.7	6.5	3.4	5.3	Năm phẩy ba	
228	28218003128	Đậu Công	Đức	ECO 303 F	9.5	7.8	9.4	5.2	6.9	Sáu phẩy chín	
229	30208027575	Cao Thị	Dương	ECO 303 F	10	9.7	8.3	7.3	8.1	Tám phẩy một	
230	27217243484	Phùng Ngọc Hoàng	Duy	ECO 303 F	10	9.5	8.9	8.8	9.0	Chín	
231	30218035246	Bùi Bá	Duy	ECO 303 F	5	7	8.8	6.9	7.1	Bảy phẩy một	
232	29208055970	Đỗ Hoàng Mỹ	Duyên	ECO 303 F	10	9.7	9.3	6.9	8.1	Tám phẩy một	
233	28218100837	Trần Trung	Giang	ECO 303 F	8.5	10	8.8	6.4	7.6	Bảy phẩy sáu	
234	29208063732	Huỳnh Thị Thúy	Hà	ECO 303 F	10	9.7	9.1	5.1	7.1	Bảy phẩy một	
235	29218047284	Nguyễn Văn	Hà	ECO 303 F	9	9.8	9.6	3.5	6.2	Sáu phẩy hai	
236	29206545115	Nguyễn Thị Thu	Hằng	ECO 303 F	6.5	7.8	7.9	3	5.1	Năm phẩy một	
237	30204655643	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	ECO 303 F	10	9.3	8.9	3	5.8	Năm phẩy tám	
238	29218056177	Trần Anh	Hào	ECO 303 F	9	8.5	7.8	4.6	6.3	Sáu phẩy ba	
239	28208037324	Nguyễn Thị Mai	Hiền	ECO 303 F	8	8.3	8	2.6	5.1	Năm phẩy một	
240	29208122223	Cao Thị Kim	Hiển	ECO 303 F	8	9.3	9.6	6.4	7.6	Bảy phẩy sáu	
241	30218163753	Lê Thanh	Hùng	ECO 303 F	4	0	9	3.6	4.2	Bốn phẩy hai	
242	30208023534	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Hương	ECO 303 F	10	10	8.1	2.6	5.6	Năm phẩy sáu	
243	30206624812	Võ Thị	Hường	ECO 303 F	9	9.7	9.6	4.5	6.8	Sáu phẩy tám	
244	30216746324	Lê Huỳnh Tấn	Huy	ECO 303 F	10	8.3	8.5	1.6	4.8	Bốn phẩy tám	
245	30218124907	Phan Mạnh	Huy	ECO 303 F	10	8.3	9	2.4	5.4	Năm phẩy bốn	
246	29208223832	Đào Đoàn Khánh	Huyền	ECO 303 F	9	9.5	7.6	4.8	6.5	Sáu phẩy năm	
247	30218120903	Phan Gia	Kiệt	ECO 303 F	10	7.7	9	7.6	8.1	Tám phẩy một	
248	30208130326	Nguyễn Thị Kiều	Linh	ECO 303 F	9	8.5	8.9	4	6.2	Sáu phẩy hai	
249	28218045425	Mai Hoàng	Lộc	ECO 303 F	10	9.7	9.3	4.9	7.0	Bảy	
250	29208034484	Nguyễn Hoàng Trúc	Ly	ECO 303 F	0	0	0	0	0.0	Không	Nợ HP
251	29208037856	Nguyễn Hoàng	Mai	ECO 303 F	5	9.7	8	3.4	5.4	Năm phẩy bốn	
252	30208127217	Ngô Hoàng Hiếu	Minh	ECO 303 F	7.5	0	0	0	0.0	Không	Vắng
253	29208034406	Nguyễn Huyền	My	ECO 303 F	8	9.5	8.5	4.9	6.6	Sáu phẩy sáu	
254	29208047701	Trần Thị Thu	Ngân	ECO 303 F	9	9.8	8.8	4.6	6.7	Sáu phẩy bảy	
255	30218028176	Lê Đăng	Nghĩa	ECO 303 F	6	9.7	5.5	3	4.8	Bốn phẩy tám	
256	28208026254	Huỳnh Lê Như	Ngọc	ECO 303 F	8	10	8.3	3	5.6	Năm phẩy sáu	
257	28208045018	Trần Thị Ánh	Ngọc	ECO 303 F	10	9.7	6	9	8.6	Tám phẩy sáu	
258	28208051511	Hoàng Minh	Ngọc	ECO 303 F	8	8.5	8.3	1.5	4.6	Bốn phẩy sáu	
259	30208457917	Hồ Nguyên Giáng	Ngọc	ECO 303 F	0	0	0	0	0.0	Không	Vắng
260	29208049708	Trần Phạm Thùy	Nguyễn	ECO 303 F	8	9.8	9	1.3	4.8	Bốn phẩy tám	

THÔNG TIN SINH VIÊN				LỚP MÔN HỌC	QUÁ TRÌNH HỌC TẬP				ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	L	M	F	SỐ	CHỮ	
STT	Mã Sinh viên	Họ lót	Tên		10%	15%	20%	55%			
261	29208048032	Huỳnh Thị Thanh	Nhã	ECO 303 F	10	8.5	8.5	2.4	5.3	Năm phẩy ba	
262	29214348470	Nguyễn Trần Thành	Nhân	ECO 303 F	9	9.5	8.3	6.5	7.6	Bảy phẩy sáu	
263	29200350160	Võ Thị Hà	Nhi	ECO 303 F	10	9.8	9.1	2.2	5.5	Năm phẩy năm	
264	29208151131	Nguyễn Thị Ý	Nhi	ECO 303 F	7	9.3	8.8	2.9	5.5	Năm phẩy năm	
265	29208156162	Nguy Như Yến	Nhi	ECO 303 F	9	9.3	9	4.7	6.7	Sáu phẩy bảy	
266	29208163344	Hồ Thị Tuyết	Nhi	ECO 303 F	10	9.3	10	6	7.7	Bảy phẩy bảy	
267	30208063098	Trần Phạm Ý	Nhi	ECO 303 F	10	9.7	7.2	9	8.8	Tám phẩy tám	
268	29208238304	Trần Thị Xuân	Như	ECO 303 F	9.5	10	7.6	2.3	5.2	Năm phẩy hai	
269	30209527281	Thái Ngọc Quỳnh	Như	ECO 303 F	10	8.3	9.3	3.5	6.0	Sáu	
270	30208120556	Đỗ Vũ Phương	Oanh	ECO 303 F	3	0	0	0	0.0	Không	Vắng
271	30207134636	Nguyễn Hồ Thanh	Phương	ECO 303 F	8	8.3	9	3.2	5.6	Năm phẩy sáu	
272	30208162626	Lê Nguyễn Mai	Phương	ECO 303 F	7	8.3	9.5	7.2	7.8	Bảy phẩy tám	
273	30218162630	Hồ Hữu Bảo	Quân	ECO 303 F	9	7.7	8.5	6.6	7.4	Bảy phẩy bốn	
274	30204421553	Đặng Như	Quỳnh	ECO 303 F	9	9.3	9	3.5	6.0	Sáu	
275	30208027999	Hà Khánh	Quỳnh	ECO 303 F	9	10	7.6	7.7	8.2	Tám phẩy hai	
276	28218042132	Nguyễn Thanh	Rin	ECO 303 F	9	9.7	7.8	4.6	6.4	Sáu phẩy bốn	
277	27217101377	Lê Văn Lam	Sơn	ECO 303 F	0	0	0	0	0.0	Không	Nợ HP
278	30218041712	Phạm Văn	Tài	ECO 303 F	10	9.7	8.5	9	9.1	Chín phẩy một	
279	28218006044	Phạm Minh	Tây	ECO 303 F	3	0	5.5	0	0.0	Không	Vắng
280	28208406653	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	ECO 303 F	7	8.5	9	4.7	6.4	Sáu phẩy bốn	
281	29206124132	Nguyễn Thị Thu	Thảo	ECO 303 F	8	9.5	8.5	4	6.1	Sáu phẩy một	
282	30202739053	Nguyễn Diệu	Thảo	ECO 303 F	10	10	7.8	5.7	7.2	Bảy phẩy hai	
283	30208122893	Trần Thu	Thảo	ECO 303 F	9	9.7	7.8	7.8	8.2	Tám phẩy hai	
284	29208046569	Nguyễn Phương	Thư	ECO 303 F	9	9.8	8.6	4.5	6.6	Sáu phẩy sáu	
285	29208131336	Hoàng Hoài	Thương	ECO 303 F	6	9.7	9.1	1.8	4.9	Bốn phẩy chín	
286	29208050870	Đặng Thanh	Thùy	ECO 303 F	5.5	9.3	8	0.8	0.0	Không	
287	29208050105	Nguyễn Anh	Trâm	ECO 303 F	6	9.8	8.5	1.2	4.4	Bốn phẩy bốn	
288	29208157447	Phạm Thị Quỳnh	Trang	ECO 303 F	10	9.7	4.1	3.2	5.0	Năm	
289	30208162671	Hồ Lê Thu	Trang	ECO 303 F	3	0	0	0	0.0	Không	Vắng
290	30218241157	Võ Đức	Trí	ECO 303 F	4	8.3	6.8	2.3	4.3	Bốn phẩy ba	
291	30208047484	Nguyễn Thị Tuyết	Trinh	ECO 303 F	10	9.8	7	2.5	5.2	Năm phẩy hai	
292	28218001153	Phan Đan	Trường	ECO 303 F	4	7.8	8.3	1.7	4.2	Bốn phẩy hai	
293	28218205079	Lê Quang	Trường	ECO 303 F	6	7.8	9	2.1	4.7	Bốn phẩy bảy	
294	30208052345	Ngô Thanh	Tú	ECO 303 F	10	10	5.5	4.1	5.9	Năm phẩy chín	
295	30218158156	Nguyễn Lê	Tú	ECO 303 F	10	9.3	8.3	2.1	5.2	Năm phẩy hai	
296	30218263572	Diệp Thanh	Tú	ECO 303 F	7.5	9.5	7.9	2.6	5.2	Năm phẩy hai	
297	28208143616	Trương Thị Kim	Tuyền	ECO 303 F	9.5	9.5	7.8	3.8	6.0	Sáu	
298	28208202598	Phan Thị Thu	Tuyền	ECO 303 F	7.5	7.8	8.4	1.8	4.6	Bốn phẩy sáu	
299	29208056176	Phạm Hoàng Thúy	Uyên	ECO 303 F	10	9.8	8.8	2.8	5.8	Năm phẩy tám	
300	28208104722	Đình Thanh Cẩm	Vân	ECO 303 F	8	10	7.8	3.1	5.6	Năm phẩy sáu	
301	29208154416	Nguyễn Thị Yến	Vy	ECO 303 F	8	9.7	8.6	1.6	4.9	Bốn phẩy chín	

**BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU**

NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỈ LỆ	GHI CHÚ
Số Sinh viên đạt	280	93.02%	

Số Sinh viên nợ	21	6.98%	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>301</b>	<b>100%</b>	

*Đà Nẵng, ngày 18 tháng 06 năm 2026*

**TRƯỞNG BAN ĐÀO TẠO**

**HT. TRƯỜNG ĐÀO TẠO**

**PHÒNG TỔNG HỢP**

**NGƯỜI LẬP BẢNG**